Phụ lục I KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG TH&THCS ĐIỀN XÁ
TỔ: THCS TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TIN, KHỐI LỚP 7
Năm học 2025 - 2026

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 02**; Số học sinh: 65; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 9; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 09; Trên đại học: 0

3. Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tốt: 06; Khá: 03; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

4. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Bài dạy/Bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, mành chiếu	01	Các tiết	

II. Kế hoạch dạy học:

STT	Bài học/ bài kiểm tra, đánh giá định kì	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Năng lực số
1	**CHỦ ĐỀ 1.**	01	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này em sẽ:	

	MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG Bài 1. Thiết bị vào - ra		− Củng cố và phát triển kiến thức về xử lí thông tin ở lớp 6 − Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra có nhiều loại, hình dạng khác nhau − Biết được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. − Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau: **Năng lực tự chủ, tự học**: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thiết bị vào – ra. **Năng lực giao tiếp và hợp tác**: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thiết bị vào – ra, cách sử dụng thiết bị an toàn. **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị. **2.2. Năng lực Tin học** Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau: **Năng lực C (NLc):** − Kể được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. − Biết sử dụng thiết bị một cách an toàn và có trách nhiệm. − Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính. **3. Về phẩm chất:** − Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị. − Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm. − Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	4.1.TC1a 5.1.TC1a 5.1.TC1b
2	Bài 2. Phần mềm máy tính	01	**1. Về kiến thức:** Sau bài học này em sẽ: − Nhận thức được vai trò của phần mềm trong hoạt động của máy tính. − Phân chia phần mềm thành hai loại: hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung**	5.2.TC1a 5.2.TC1b 5.2.TC1c

			− Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng,.. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. **2.2. Năng lực Tin học** − Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. − Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. Giải thích được phần mở rộng của tên tệp cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh hoạ. **3. Về phẩm chất:** − Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học. − Nhận ra được trong một tổ chức, các thành viên có vai trò, vị trí khác nhau để thực hiện mục tiêu chung. Từ đó tự giác, củng cố ý thức tổ chức kỉ luật. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
3	Bài 3. Quản lý dữ liệu trong máy tính	02	**1. Kiến thức:** − Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. − Nêu được ví dụ về biện pháp an toàn dữ liệu như sao lưu dữ liệu, phòng chống xâm nhập trái phép và phòng chống virus,… **2. Năng lực:** **2.1. Năng lực chung** − Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về tệp, thư mục, quản lí dữ liệu − Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra cách tổ chức, quản lí dữ liệu trong máy tính. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh chỉ ra được các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong máy tính. **2.2. Năng lực Tin học** − Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xoá tệp và thư mục (Nla).	1.3.TC1a 1.3.TC1b 4.1.TC1a

			3. Phẩm chất: − Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học. − Có ý thức trong việc bảo vệ an toàn dữ liệu trong máy tính cũng như an toàn thông tin cá nhân **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
4	**Chủ đề 2: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	02	**1. Kiến thức:** – Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. – Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. – Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. ***2.*** Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. **Năng lực:** ***Năng lực chung*** Năng lực tự chủ, tự học: tự học, tự tìm hiểu một số chức năng của phần mềm ứng dụng. Tự chủ trong việc sử dụng mạng xã hội. Năng lực giao tiếp và hợp tác: hình thành năng lực giao tiếp xã hội ngay cả trên không gian mạng một cách an toàn và có trách nhiệm. ***Năng lực Tin học*** Ứng xử phù hợp trong môi trường số (NLb) Giao tiếp, hợp tác trong môi trường kĩ thuật số (NLe). Ứng dụng mạng xã hội trong học và tự học (NLd) **Phẩm chất:**	2.1.TC1a 2.1.TC1b 2.2.TC1a 2.2.TC1b
			– Rèn luyện tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và xã hội trong việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số, cụ thể là mạng xã hội. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
5	**KTĐG giữa kỳ I**	01	**1.Về kiến thức:** - Kiểm tra kiến thức bài 1 đến bài 5 **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT***	

			- Miễn đánh giá	
6	**Chủ đề 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** Bài 5. Ứng xử trên mạng	01	**1. Về kiến thức:** − Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hoá. − Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. − Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng. **2. Về năng lực:** **2.1. Năng lực chung** − Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi văn hoá ứng xử qua mạng. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra những tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện Internet. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đưa ra những cách giải quyết hợp lí khi gặp thông tin có nội dung xấu trên mạng. **2.2. Năng lực Tin học** − Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. − Nêu được ví dụ truy cập không hợp lí vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi. **3. Về phẩm chất:** − Có ý thức cảnh giác khi sử dụng mạng máy tính, tránh sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	2.5.TC1a 2.5.TC1b 2.5.TC1c 4.3.TC1b

7	**Chủ đề 4: ỨNG DỤNG TIN HỌC** Bài 6. Làm quen với phần mềm bảng tính	02	**1. Về kiến thức:** - Nhận biết được một số khái niệm và chức năng cơ bản của phần mềm máy tính - Thực hiện được việc nhập và điều chỉnh dữ liệu trên bảng tính (mức đơn giản) - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: thay đổi phông chữ, màu nền, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung***	3.1.TC1a 3.1.TC1b
			- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. ***2.2. Năng lực Tin học*** - Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) - Có ý thức tự bảo vệ sức khỏe trong khai thác và sử dụng ứng dụng ICT. (NLb) - Hiểu được tầm quan trọng của thông tin: biết lựa chọn thông tin nào là phù hợp và "giá trị" để đưa vào bài trình chiếu. (NLc) - Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu. (NLd) - Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** - Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm bài trình chiếu. **3. Về phẩm chất:** - Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa. - Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	

8	Bài 7. Tính toán tự động trên bảng tính	02	**1. Về kiến thức:** − Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. − Biết cách nhập và sao chép công thức trên bảng tính. − Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu. **2. Về năng lực:**	3.1.TC1a
			2.1. Năng lực chung – Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. – Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. Sử dụng được công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức ***2.2. Năng lực Tin học*** − Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) − Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu. (NLd) − Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** − Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm bài trình chiếu. **3. Về phẩm chất:** − Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân − Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. − Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.	

			**** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
9	Bài 8. Công cụ hỗ trợ tính toán	02	**1. Về kiến thức:** − Hs thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản: MAX, MIN, AVERAGE, COUNT,… **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** − Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.	3.1.TC1a
			− Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. Sử dụng được một số hàm cơ bản hỗ trợ tính toán bằng công thức, giải quyết được các bài toán thực tế đơn giản. ***2.2. Năng lực Tin học*** − Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) − Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu. (NLd) − Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** − Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua trình bày bài tập nhóm **3. Về phẩm chất:** − Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân − Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. − Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	

10	Bài 9. Trình bày bảng tính	02	**1. Về kiến thức:** − Hs biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. − Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như Max, min, sum, average, count,..vào dự án Trường học xanh **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** − Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếpvà giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện được định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính.	3.1.TC1a 3.2.TC1a
			Áp dụng được một số tính năng của các hàm để giải quyết bài toán cụ thể ***2.2. Năng lực Tin học*** − Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) − Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** − Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: trình bày bài tập nhóm. **3. Về phẩm chất:** − Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân − Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. − Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
11	Ôn tập cuối kỳ I	01	**1.Về kiến thức:**	Trực tuyến

			- Củng cố các kiến thức đã học của cả học kì I (bài 1 đến bài 9 **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,…, giải quyết các bài tập **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
12	**KTĐG cuối kỳ I**	01	**1.Về kiến thức:** - Kiểm tra kiến thức đã học ở học kỳ I (bài 1 đến bài 9) **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	
13	Bài 10. Hoàn thiện bảng tính	02	**1. Kiến thức:** − Thực hiện được các thao tác hoàn thiện và in một bảng tính. − Thực hành hoàn thiện dự án. − Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản. **2. Năng lực:** **2.1. Năng lực chung** − Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để hoàn thiện bảng tính. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra các thao tác hợp lí để hoàn thiện bảng tính − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể tự tạo bảng tính để giải quyết một số yêu cầu tính toán trong cuộc sống. **2.2. Năng lực Tin học** − Thực hiện được các chức năng làm việc với trang tính, kẻ khung và in dữ liệu bảng tính.	3.1.TC1a 3.2.TC1a 5.3.TC1a

			3. Phẩm chất: − Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học. − Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ, làm việc khoa học, chính xác. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
14	Bài 11. Tạo bài trình chiếu	02	**1. Kiến thức:** − Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu − Tạo được một số bài trình chiếu có tiêu đề, cấu trúc phân cấp **4. Năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** − Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. Bước đầu biết cách xây dựng dự án ở mức đơn giản để giải quyết một số vấn đề. ***2.2. Năng lực Tin học***	3.1.TC1a 3.1.TC1b
			– Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) – Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) **5. Phẩm chất:** – Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. – Rèn luyện phẩm chất vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình hoạc tập và lao động. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
	Bài 12. Định dạng đối tượng trên trang chiếu	02	**1. Về kiến thức:** - Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh hoạ vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh hoạ một cách hợp lí. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung***	3.2.TC1a 3.3.TC1a

15			- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các công cụ trên phần mềm máy tính để giải quyết vấn đề. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. ***2.2. Năng lực Tin học*** **NLc:** *Tư duy phân tích, thiết kế* - Định dạng cho văn bản và hình ảnh hợp lý. **3. Về phẩm chất:** - Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá. - Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
16	**KTĐG giữa kỳ II**	01	**1.Về kiến thức:** - Kiểm tra kiến thức đã học (từ bài 10 đến bài 12) **2. Về năng lực:**	
			Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	
17	Bài 13. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện bài trình chiếu	02	**1. Về kiến thức:** − Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí. − Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu hoàn chỉnh. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** − Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.	3.1.TC1a 3.2.TC1a 5.3.TC1a

			− Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. − Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. ***2.2. Năng lực Tin học*** − Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề. (NLa) − Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu. (NLd) − Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin. (NLe) ***2.3. Các năng lực khác*** − Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm bài trình chiếu. **3. Về phẩm chất:** − Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa. − Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.	
			− Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
18	**CHỦ ĐỀ 5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** Bài 14. Thuật toán tìm kiếm tuần tự	02	**1. Về kiến thức:** - Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** - Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các tìm kiếm tuần tự - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. ***2.2. Năng lực Tin học*** **NLc:** *Tư duy phân tích, thiết kế*	3.4.TC1a 5.3.TC1b

			- Nhận biết các hoạt động sử dụng tìm kiếm tuần tự. - Viết được thuật toán dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Lập được bảng mô phỏng thuật toán. **3. Về phẩm chất:** - Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá. - Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
19	Bài 15. Thuật toán tìm kiếm nhị phân	02	**1. Về kiến thức:** - Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. - Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh hoạ. **2. Về năng lực:** ***2.1. Năng lực chung***	3.4.TC1a 5.3.TC1b
			- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các tìm kiếm nhị phân và sắp xếp. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. ***2.2. Năng lực Tin học*** **NLc:** *Tư duy phân tích, thiết kế* - Nhận biết các hoạt động sử dụng tìm kiếm nhị phân. - Viết được thuật toán dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Lập được bảng mô phỏng thuật toán. **3. Về phẩm chất:** - Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá. - Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	
20		01	**1.Về kiến thức:**	Trực

	Ôn tập cuối kỳ II		- Củng cố các kiến thức đã học kỳ 2 **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ ,…, giải quyết các bài tập **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	tuyến
21	**KTĐG cuối kỳ II**	01	**1.Về kiến thức:** - Kiểm tra các kiến thức đã học học kỳ 2 **2. Về năng lực:** **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự tổng hợp kiến thức để trả lời các câu hỏi **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo**: Vận dụng KT để giải quyết linh hoạt các câu hỏi và BT **3. Về phẩm chất:** - Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp. **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	
22	Bài 16. Thuật toán sắp xếp	02	**1.Kiến thức:** − Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. − Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ. − Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. **2.Năng lực:** ***2.1. Năng lực chung*** − Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ. − Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. ***2.2. Năng lực Tin học*** − Bước đầu hình thành quan niệm về giá trị của thông tin trong việc tổ chức dữ liệu có trật tự (NLc) − Hình thành tư duy mô hình hóa trong việc tổ chức và tìm kiếm dữ liệu với sự trợ giúp của máy tính. (NLe) **3.Phẩm chất:**	3.4.TC1a 5.3.TC1b

			− Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập. − Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, phẩm chất vượt qua những khó khăn trong học tập và lao động. **** HSKT: Khuyến khích hs tham gia hoạt động học tập theo khả năng; thay thế tô tranh, tô chữ.***	

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thời điểm (4)

3. Kiểm tra, đánh giá

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	2 -5	Tiết 2-7	Tuần 2-7	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK- giữa học kì 1	1-5	Tiết 9	Tuần 9	Đề kiểm tra **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	
Thường xuyên (2)	6-9	Tiết 10-16	Tuần 10-16	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK - cuối học kì 1	1-9	Tiết 17	Tuần 17	- Đề kiểm tra. **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	

Thường xuyên (3)	10-13	Tiết 20-26	Tuần 20-26	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK- giữa học kì 2	10-12	Tiết 26	Tuần 26	- Đề kiểm tra. **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	
Thường xuyên (4)	13-16	Tiết 29-31	Tuần 29-31	- Câu hỏi và bài tập - Phiếu học tập - Bảng kiểm - Rubic - Phiếu đánh giá	
ĐK - cuối học kì 2	10-16	Tiết 33	Tuần 33	- Đề kiểm tra **** HSKT*** ***- Miễn đánh giá***	

Điền Xá, ngày 05 tháng 01 năm 2026

TỔ TRƯỞNG

Phạm Văn Hường

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ ĐIỀN XÁ T. QUẢNG NINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐIỀN XÁ

Hoàng Thị Lan